

Số: 80/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 07 tháng 4 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HƯNG YÊN**

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 109/2026/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 về việc “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- **Anh Trần Văn H**, sinh năm 1989; Đăng ký HKTT và trú tại: Thôn Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên.

- **Chị Nguyễn Thị M**, sinh năm 1983; Đăng ký HKTT và trú tại: Thôn Đ, xã B, tỉnh Bắc Ninh

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và lời khai của các đương sự trình bày: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên nay là xã L, tỉnh Hưng Yên vào ngày 25/10/2024. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh H, chị M tuân thủ đúng các điều kiện và thủ tục kết hôn theo luật định nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ có thời gian ngắn chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó mâu thuẫn đã nhanh chóng phát sinh và ngày càng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ sự chênh lệch lớn về tuổi tác, dẫn đến sự khác biệt về quan điểm sống cũng như cách suy nghĩ và hành động. Bên cạnh đó, cả hai đều đã từng trải qua đổ vỡ hôn nhân và có con riêng, nên mỗi người đều ưu tiên chăm lo cho con của mình, không tìm được tiếng nói chung trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình.

Mặt khác, giữa anh H và chị M không có con chung, dẫn đến thiếu sự gắn kết về tình cảm và trách nhiệm, khiến quan hệ hôn nhân ngày càng lỏng lẻo. Hai bên thường xuyên xảy ra bất đồng, không thể dung hòa. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài, không có khả năng khắc phục nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2025 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay anh H và chị M đều xác định không có tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên thống nhất làm đơn yêu cầu TAND khu vực 3 – Hưng Yên công nhận thuận tình ly hôn giữa hai bên để ổn định cuộc sống.

Tòa án đã mở phiên hòa giải đoàn tụ nhưng không thành vì anh H, chị M giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, yêu cầu thuận tình ly hôn của các đương sự là có căn cứ, tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. **Về con chung:** Anh H và chị M đều khẳng định vợ chồng không có con chung, không có con nuôi, chị M hiện không mang thai.

[3]. **Về con riêng:** H và chị M đều không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[4]. **Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:** Anh H và chị M đã được thẩm phán giải thích quyền, nghĩa vụ của anh chị theo quy định của pháp luật nhưng cả hai anh chị đều khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, không có ruộng đất nông nghiệp liên quan, không xây dựng đóng góp được gì cho hai bên gia đình nên không đề nghị tòa án đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] **Về lệ phí:** Anh H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí về việc giải quyết việc dân sự và được chị M nhất trí.

Xét việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 27/3/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M đều tự nguyện thuận tình ly hôn nhau.

- **Về con chung:** Không có.

- **Về con riêng:** Anh H và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:** Anh H và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh H tự nguyện nộp cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự và được chị M nhất trí. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí mà anh H đã nộp theo biên lai thu số 0001356, ngày 20/3/2026, tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thì anh H đã thi hành xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### **THẨM PHÁN**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;

- UBND xã Lương Bằng (GCNKH số 52 năm 2024); - Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**Nguyễn Thị Thu Hương**